

Số: 14/2024/QĐCNTT-DS

B, ngày 27 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự ngày 18 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2023/TLST- DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được Biên bản ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1966; Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình;

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: bà Phan Thị Hồng T, sinh năm 1994; Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1952; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình;

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1977, nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ Bá H1, thuộc Văn phòng L2, Đoàn Luật sư Q;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Minh T2, sinh năm 1969; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình;

+ Nhà thờ Giáo xứ T4 do ông Lê Văn T3 đại diện; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ghi nhận sự xác nhận của các bên đương sự về thời điểm bắt đầu sử dụng đối với thửa đất số 151, tờ bản đồ số 14 xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình của các hộ ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1952 và hộ ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Minh T2, sinh năm 1969 là trước năm 1993.

2.2. Các đương sự thống nhất thoả thuận việc sử dụng đất và xử lý tài sản trên đất như sau:

- Giao cho ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1952; Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình được quyền tiếp tục sử dụng phần đất S1 có diện tích đất 92,7m² thuộc thửa đất số 151, tờ bản đồ số 14 xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Ranh giới, mốc giới, kích thước cạnh thửa được xác định theo mốc giới từ điểm 1 đến điểm 3, từ điểm 3 đến điểm A, từ điểm A đến điểm B và từ điểm B về điểm 1 thể hiện tại Sơ đồ kèm theo Biên bản giao mốc giới, ranh giới các phần đất thuộc thửa đất số 151, tờ bản đồ số 14 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B đo vẽ ngày 16/9/2024.

- Giao cho ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Minh T2, sinh năm 1969; Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình được quyền tiếp tục sử dụng phần đất còn lại là S4 có diện tích 565,7m² thuộc thửa đất số 151, tờ bản đồ số 14 xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Ranh giới, mốc giới, kích thước cạnh thửa được xác định theo các điểm mốc giới từ điểm B đến điểm A, từ điểm A đến điểm 5, từ điểm 5 đến điểm 7, từ điểm 7 đến điểm 8 và từ điểm 8 về điểm B thể hiện tại Sơ đồ kèm theo Biên bản giao mốc giới, ranh giới các phần đất thuộc thửa đất số 151, tờ bản đồ số 14 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B đo vẽ ngày 16/9/2024.

- Ranh giới giữa 02 phần đất thoả thuận giao cho ông Nguyễn Tiến H, bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Đức L bà Nguyễn Thị Minh T2 sử dụng được xác định theo đường AB, có tọa độ cụ thể như sau: điểm A có tọa độ (X= 1957318,99; Y= 551876,03); điểm B có tọa độ (X= 1957296,99; Y= 551868,20).

- Đối với các phần diện tích nằm ngoài ranh giới hiện trạng nhưng trong ranh giới theo Bản đồ địa chính đã được phê duyệt được xác định tại Sơ đồ hiện trạng ngày 16/9/2024, các bên đương sự thống nhất không có tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Đối với các phần đất nằm trong ranh giới hiện trạng nhưng ngoài ranh giới theo

Bản đồ địa chính đã được phê duyệt được xác định tại Sơ đồ, các bên liên quan không có yêu cầu giải quyết.

- Ông Nguyễn Tiến H, bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Đức L bà Nguyễn Thị Minh T2 và những người liên quan có quyền và trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký, đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với các phần đất được giao sử dụng hoặc có biến động theo quy định pháp luật về đất đai.

2.3. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc ông Nguyễn Tiến H và bà Nguyễn Thị L1 phải thanh toán cho ông Nguyễn Đức L và bà Nguyễn Thị Minh T2 giá trị công sức tôn tạo tài sản được tính bằng tiền là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Việc thanh toán đã được các bên thực hiện xong trong ngày 18/9/2024.

2.4. Ghi nhận sự tự nguyện của Nhà thờ Giáo xứ T4 về việc tự tháo dỡ, di dời các công trình xây dựng đang tồn tại trên thửa đất số 151, tờ bản đồ số 14 xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình, gồm: 01 nhà xưởng được xây tạm bằng gạch block đơn giản, cao 3m, mái lợp tôn, các cửa bằng ván và tôn, nền láng xi măng, có diện tích 98,6m² (S2); 01 công trình vệ sinh được xây tạm có diện tích 9,2m² (S3).

(Tứ cận cụ thể của các công trình được thể hiện tại Sơ đồ kèm theo Biên bản giao mốc giới, ranh giới các phần đất thuộc thửa đất số 151, tờ bản đồ số 14 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B đo vẽ ngày 16/9/2024).

Sơ đồ kèm theo Biên bản giao mốc giới, ranh giới các phần đất thuộc thửa đất số 151, tờ bản đồ số 14 là một bộ phận không thể tách rời của quyết định này.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Đức L phải nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bố Trạch theo Biên lai thu tiền số 0002779 ngày 06/7/2023. Nguyên đơn được nhận lại số tiền 150.000 đồng.

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho Bị đơn ông Nguyễn Tiến H và bà Nguyễn Thị L1.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bên có nghĩa vụ thi hành án không tự nguyện thi hành án thì bên được thi hành án có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án thi hành án thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Quyết định công nhận sự thỏa thuận của Tòa án sẽ được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- VKSND huyện Bồ Trạch;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Bồ Trạch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Quang Minh